

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ THỌ  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Xuân Trường

2. Bà Nguyễn Thị Tình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*N đơn:* Chị Đặng Thị C - sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 2 M, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu N - sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu 4 (cũ là khu 8), xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án, chị Đặng Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu N đăng ký kết hôn ngày 21/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại khu 4 (cũ là khu 8), xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Đến khoảng tháng 12/2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N mắc vào tệ nạn xã hội nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp, anh N đánh chửi chị. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, chị và anh N đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy

tình cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

-Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/4/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần yêu cầu anh Nguyễn Hữu N có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết việc chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh N đều vắng mặt không rõ lý do nên không có lời trình bày của anh N tại Tòa và Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật được.

\*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. N đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị C và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

- Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị N sinh ngày 21/4/2009 và anh Nguyễn Hữu N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đặng Thị C.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do anh N vắng mặt không có lời trình bày nên các quan hệ trên cần tách ra khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, qua lời trình bày của N đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn, giải quyết về con chung giữa chị Đặng Thị C và anh Nguyễn Hữu N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh N có nơi cư trú tại xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh N cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh N không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 31/7/2020, bị đơn anh Nguyễn Hữu N đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Hữu N đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Hữu N.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị C và anh Nguyễn Hữu N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, đó là cuộc hôn nhân tiến bộ và hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về làm ăn sinh sống tại (Khu 8 cũ) nay là khu 4, xã T, thị xã P. Đến khoảng tháng 12 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh N chơi bời mắc vào tệ nạn xã hội, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên đánh chửi chị C và không quan tâm đến gia đình nên chị C đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai và chấm dứt mọi quan hệ. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh N. Qua biên bản xác minh và ý kiến của chính quyền địa phương xã T nơi vợ chồng anh chị chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân như vậy mục đích hôn nhân không đạt và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị C và anh N đã ly thân, chấm dứt quan hệ, không quan tâm đến nhau như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, khó có thể hàn gắn được. Đặc biệt, quá trình làm việc mặc dù anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, qua đó khẳng định anh N không thiết tha để hàn gắn tình cảm, như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên việc chị C khởi kiện xin ly hôn anh N là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C xử cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

[3]. *Về con chung*: Chị C và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/4/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị C. Ly hôn, chị C xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đề nghị anh N phải cấp dưỡng nuôi con

chung cùng chị. Qua lời trình bày của cháu N nếu bố, mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu N hiện nay đang ở với chị C và trong quá trình giải quyết tại Tòa án anh N đã không đến Tòa án để thể hiện quan điểm của mình. Con chung của chị C và anh N là con gái rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên cần xử giao cháu Nguyễn Thị N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Chị C trình bày không có. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh N vắng mặt nên không có lời trình bày, do đó không biết các quan hệ trên có hay không. Do vậy, các quan hệ này cần được tách ra khi nào anh N có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí*: Chị Đặng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Nguyễn Hữu N.

2.*Về con chung*: Xử giao cho chị Đặng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị N - sinh ngày 21/4/2009 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Hữu N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đặng Thị C.

Anh Nguyễn Hữu N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục con C không ai được cản trở.

3.*Về án phí*: Chị Đặng Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002431 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Chị Đặng Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị C có mặt có quyền kháng cáo. Anh N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã,
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ (2bản);
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Hà Thu Hiền**